

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2026

### THƯ MỜI CHÀO GIÁ

V/v chào giá hoá chất, vật tư y tế bổ sung năm 2026 cho Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua hoá chất, vật tư y tế bổ sung năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị mời chào giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Trưởng khoa Dược, Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập;

Địa chỉ: Số 153 đường Nguyễn Tất Thành, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

Số điện thoại: 0377.713.686

Email: Duocbvpdltwql@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Khoa Dược, Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập. Địa chỉ: Số 153 đường Nguyễn Tất Thành, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Nhận thư điện tử tại địa chỉ email: [duocbvpdltwql@gmail.com](mailto:duocbvpdltwql@gmail.com) bao gồm bản scan hồ sơ báo giá và file mềm excel theo mẫu phụ lục 2.

4. Thời hạn tiếp nhận chào giá: Từ ngày 20 tháng 3 đến 16:00 ngày 06 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế yêu cầu báo giá (chi tiết như phụ lục 1 đính kèm)

2. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Bảng cung cấp thông tin hàng hoá và Báo giá theo mẫu Phụ lục 2;

3. Địa điểm cung cấp: các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp tại khoa Dược, Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không

Do nhu cầu cấp thiết về hoá chất, vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện, kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp nhanh chóng cung cấp thông tin để Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Rất mong Quý Công ty tham gia chào giá để có cơ hội cung cấp hàng hóa cho Bệnh viện.

*Trân trọng cảm ơn!*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, KD.



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Hoàng Hùng*

## PHỤ LỤC I. DANH MỤC HÀNG HOÁ YÊU CẦU BẢO GIÁ

TT	Tên hàng	Mô tả chung	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ định danh IVD NK-IDS 14 GNR	Bộ định danh IVD NK-IDS 14 GNR là một hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hóa dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	Hộp	100
2	Bộ định danh que giấy IVD NK-X/V/XV	Hệ thống định danh Haemophilus dựa trên thử nghiệm thử nghiệm xác định nhu cầu yếu tố X (hemin) và/hoặc V (NAD: nicotin adenine dinucleotide).	Bộ	45
3	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm	Bộ	20
4	Hồng cầu mẫu ABO	Bộ hồng cầu mẫu ABO	Bộ	60
5	Khoanh giấy định danh Streptococcus pneumoniae	Khoanh giấy Optochin được sử dụng cho phân biệt Streptococcus pneumoniae	Hộp	100
6	Khoanh giấy kháng sinh Amikacin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Amikacin có nồng độ 30µg	Hộp	100
7	Khoanh giấy kháng sinh Amoxicillin-clavulanic acid	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Amoxicillin/Clavulanic acid có nồng độ 20/10 µg	Hộp	100
8	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Ampicillin có nồng độ 10 µg	Hộp	100
9	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin-subactam	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Ampicillin/Subactam có nồng độ 20 µg	Hộp	100
10	Khoanh giấy kháng sinh Azithromycin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Azithromycin có nồng độ 15 µg	Hộp	100
11	Khoanh giấy kháng sinh Benzylpenicillin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Penicillin G có nồng độ 10 units	Hộp	100
12	Khoanh giấy kháng sinh Cefalexin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cephalexin có nồng độ 30 µg	Hộp	100
13	Khoanh giấy kháng sinh Cefalotin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cephalotin có nồng độ 30 µg	Hộp	100
14	Khoanh giấy kháng sinh Cefazolin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefazolin có nồng độ 30 µg	Hộp	100
15	Khoanh giấy kháng sinh Cefepime	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefepime có nồng độ 30 µg	Hộp	100



TT	Tên hàng	Mô tả chung	Đơn vị	Số lượng
16	Khoanh giấy kháng sinh Cefixime	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefixime có nồng độ 5 µg	Hộp	100
17	Khoanh giấy kháng sinh Cefoperazone	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefoperazone có nồng độ 30 µg	Hộp	100
18	Khoanh giấy kháng sinh Cefotaxime	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefotaxime có nồng độ 30µg	Hộp	100
19	Khoanh giấy kháng sinh Cefoxitin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefoxitin có nồng độ 30 µg	Hộp	100
20	Khoanh giấy kháng sinh Cefpodoxime	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefpodoxime có nồng độ 10 µg	Hộp	100
21	Khoanh giấy kháng sinh Cefiazidime	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefiazidime có nồng độ 30 µg	Hộp	100
22	Khoanh giấy kháng sinh Ceftriaxone	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Ceftriaxone có nồng độ 30 µg	Hộp	100
23	Khoanh giấy kháng sinh Cefuroxime	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Cefuroxime có nồng độ 30 µg	Hộp	100
24	Khoanh giấy kháng sinh Chloramphenicol	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Chloramphenicol có nồng độ 30 µg	Hộp	100
25	Khoanh giấy kháng sinh Ciprofloxacin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Ciprofloxacin có nồng độ 5 µg	Hộp	100
26	Khoanh giấy kháng sinh Clarithromycin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Clarithromycin có nồng độ 15 µg	Hộp	100
27	Khoanh giấy kháng sinh Clindamycin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Clindamycin có nồng độ 2 µg	Hộp	100
28	Khoanh giấy kháng sinh Colistin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Colistin có nồng độ 10µg	Hộp	100
29	Khoanh giấy kháng sinh Doripenem	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Doripenem có nồng độ 10 µg	Hộp	100
30	Khoanh giấy kháng sinh Doxycycline	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Doxycycline có nồng độ 30 µg	Hộp	100
31	Khoanh giấy kháng sinh Erythromycin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Erythromycin có nồng độ 15 µg	Hộp	100

TT	Tên hàng	Mô tả chung	Đơn vị	Số lượng
32	Khoanh giấy kháng sinh Fosfomycin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Fosfomycin có nồng độ 50 µg	Hộp	100
33	Khoanh giấy kháng sinh Gentamicin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Gentamicin có nồng độ 10 µg	Hộp	100
34	Khoanh giấy kháng sinh Imipenem	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Imipenem có nồng độ 10 µg	Hộp	100
35	Khoanh giấy kháng sinh Levofloxacin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Levofloxacin có nồng độ 5 µg	Hộp	100
36	Khoanh giấy kháng sinh Linezolid	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy Linezolid nồng độ 30µg	Hộp	100
37	Khoanh giấy kháng sinh Meropenem	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy Meropenem nồng độ 10µg	Hộp	100
38	Khoanh giấy kháng sinh Moxifloxacin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Moxifloxacin có nồng độ 5 µg	Hộp	100
39	Khoanh giấy kháng sinh Norfloxacin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Norfloxacin có nồng độ 10 µg	Hộp	100
40	Khoanh giấy kháng sinh Ofloxacin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Ofloxacin có nồng độ 5 µg	Hộp	100
41	Khoanh giấy kháng sinh Oxacillin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Oxacillin có nồng độ 1 µg	Hộp	100
42	Khoanh giấy kháng sinh Penicillin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Penicillin G có nồng độ 10 units	Hộp	100
43	Khoanh giấy kháng sinh Piperacillin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Piperacillin có nồng độ 100 µg	Hộp	100
44	Khoanh giấy kháng sinh Piperacillin/Tazobactam	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy Piperacillin/Tazobactam nồng độ 110µg	Hộp	100
45	Khoanh giấy kháng sinh Ticarcillin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Ticarcillin có nồng độ 75 µg.	Hộp	100
46	Khoanh giấy kháng sinh Trimethoprim/Sulfamethoxazole	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy được tẩm Trimethoprim/sulfamethoxazole 1:19 có nồng độ 25 µg.	Hộp	100
47	Khoanh giấy kháng sinh Vancomycin	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy Vancomycin nồng độ 30µg	Hộp	100

TT	Tên hàng	Mô tả chung	Đơn vị	Số lượng
48	Khoanh giấy phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase (Oxidase) ở vi khuẩn	Đĩa giấy sinh hóa thực hiện thử nghiệm Oxidase.	Lọ	100
49	Môi trường chọn lọc dùng để nuôi cấy tụ cầu gây bệnh	Môi trường nuôi cấy, phân lập <i>Staphylococci</i> gây bệnh, ức chế hầu hết các vi khuẩn khác.	Đĩa	100
50	Môi trường dịch chiết não tim (Brain Heart Infusion)	Môi trường dùng để nuôi cấy <i>Streptococci</i> , <i>Nisseria</i> và các vi khuẩn khó mọc; Môi trường được dùng để nuôi cấy máu.	Ống	200
51	Môi trường định danh streptococcus nhóm D	Thực hiện thử nghiệm thủy giải esculin với sự hiện diện của 40% bile. Để định danh dùng phân biệt Group D streptococcus với các streptococcus khác pH 7.1 ± 0.2 ở 25°C.	Ống	100
52	Môi trường dùng cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh có thể được sử dụng trong các qui trình tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.	Hộp	10
53	Môi trường dùng kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với <i>Haemophilus species</i>	Môi trường chuyên biệt để kiểm tra tính nhạy cảm của <i>Haemophilus influenzae</i> .	Hộp	10
54	Môi trường dung nạp 6,5% NaCl	Thực hiện thử nghiệm dung nạp 6.5% sodium chloride để phân biệt <i>Enterococcus</i> với non- <i>Enterococcus</i> pH 7.3 ± 0.2 ở 25°C.	Ống	100
55	Môi trường phân lập <i>Vibrio</i> spp.	Môi trường phân lập chọn lọc các <i>Vibrio</i> gây bệnh, không cần bổ sung thêm máu vô trùng	Hộp	50
56	Môi trường Chromagar Candida	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh <i>Candida</i>	Đĩa	200
57	Acid Acetic đậm đặc	Dung dịch acid Acetic đậm đặc; Nồng độ 99 %, d=1,06. Chai 500ml	Chai	20
58	Bột Talc	Tiêu chuẩn Dược dụng	Kg	100
59	Cồn Iod	Cồn Iod 1%. Chai 500ml	Chai	1.000
60	Dung dịch Xylene	Dung dịch Xylene chai 500ml	Chai	5
61	Đường Glucose khan	Glucose tinh khiết (glucose monohydrate hoặc glucose khan ≥99%). Không chứa các phụ gia có thể ảnh hưởng kết quả xét nghiệm. Gói ≥ 500mg.	Gói	20
62	Hóa chất Kali permanganat KMnO4	Dùng để sát khuẩn, oxy hóa trong xử lý nước, làm thuốc sát trùng da hoặc súc rửa nhẹ trong y tế (khi pha loãng đúng quy định)	Kg	50
63	Test nhanh chuẩn đoán Sởi	Phát hiện kháng thể IgM (hoặc IgG) để hỗ trợ chẩn đoán sởi cấp tính.	Test	2.000
64	Vôi soda	Chất hấp thụ khí CO2 có thành phần chính là hỗn hợp canxi hydroxit và natri hydroxit.	Can	10
65	Composite đặc A2	Là vật liệu composite quang trùng hợp, mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy	Tuýp	60
66	Composite đặc A3.5	Là vật liệu composite quang trùng hợp, mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy	Tuýp	60
67	Composite lỏng A2	Composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt	Tuýp	60

TT	Tên hàng	Mô tả chung	Đơn vị	Số lượng
68	Composite lòng A3	Composite lòng, bền, bề mặt cực mịn, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt	Tuyp	60
69	Gel bôi tê nước răng dùng trong nha khoa	Gel Bôi tê nước răng dùng trong nha khoa Prime	Lọ	20
70	Keo dán nha khoa bond	Dùng trong nha khoa	Lọ	30
71	Ông hút nước bột	Dùng trong nha khoa	Cái	30.000
72	Thuốc diệt tủy răng Devital	Diệt tủy Devital 5g	Lọ	10
73	Vật liệu trám răng Etching	Có các hạt có kích thước Nano thì rất quan trọng đối với Axit xoi mòn ANA. ANA, một axit xoi mòn men răng, ngà răng với 37% acid phosphoric, 2ml/lọ.	Lọ	60
74	Vật liệu trám răng Guttapercha size 20	Còn chính ộp ống tủy cỡ 20, độ thun 6%	Vì	60
75	Vật liệu trám răng Guttapercha size 25	Còn chính ộp ống tủy cỡ 25, độ thun 6%	Vì	60
76	Vật liệu trám răng Guttapercha size 30	Còn chính ộp ống tủy cỡ 30, độ thun 6%	Vì	60
77	Vật liệu trám răng Guttapercha size 35	Còn chính ộp ống tủy cỡ 35, độ thun 6%	Vì	60
78	Băng dính chỉ thị hấp nhiệt	Giấy chỉ thị nhiệt thay đổi màu sắc khi trải qua 1 chu trình khử trùng. Kích thước: 19mm x 50mm	Cuộn	200
79	Băng keo chun 8cm x 4,5m	Băng thun màu trắng, cotton 100% có keo: Zinc Oxide. Kích thước 8cm x 4,5m.	Cuộn	200
80	Cây nòng đặt nội khí quản cỡ cơ	Hỗ trợ định hình và dẫn hướng ống nội khí quản trong quá trình đặt ống. Cỡ từ 2.0mm đến 10.0 mm. Tiệt trùng sẵn dùng một lần	Cái	20
81	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 7/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi Polypropylene. Chỉ số 7/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt CC; kim được làm bằng hợp kim, dài 6-10mm 1/2 vòng tròn.	Sợi	100
82	Chỉ không tan tổng hợp số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp sợi dài 75 cm, kim tam giác 3/8c.	Vì	50
83	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 4/0 dài 75cm được bao bởi hỗn hợp Polyglactin 370 và Calcium Stearate (65%PLA / 35%PGA). Kim tròn 26mm, 1/2C, kim phủ silicone, làm bằng chất liệu thép 455 hoặc 470.	Sợi	120
84	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 5/0	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 5/0 dài 75cm được bao bởi hỗn hợp Polyglactin 370 và Calcium Stearate (65%PLA / 35%PGA). Kim tròn 26mm, 1/2C, kim phủ silicone, làm bằng chất liệu thép 455 hoặc 470.	Sợi	120
85	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 6/0	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 6/0 dài 75cm được bao bởi hỗn hợp Polyglactin 370 và Calcium Stearate (65%PLA / 35%PGA). Kim tròn 26mm, 1/2C, kim phủ silicone, làm bằng chất liệu thép 455 hoặc 470.	Sợi	120
86	Cốc đựng mẫu (Sample cup)	Chất được làm bằng nhựa y tế không gây độc hại, không phản ứng với hóa chất trong mẫu xét nghiệm.	Cái	1.000
87	Dao cạo nấm	Dùng để cạo lấy vảy da, mẫu móng, tóc... nghi ngờ nhiễm nấm để làm xét nghiệm hoặc nuôi cấy. Chất liệu Inox không gỉ, đạt tiêu chuẩn y tế.	Cái	500
88	Dây garo	Chất liệu thun cotton, dây có độ co giãn tốt, băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc, dễ thao tác, có thể sử dụng lại nhiều lần.	Cái	1.000
89	Dây buộc băng gó	Que gó dùng một lần, dùng trong hoạt động khám bệnh.	Cái	100.000

TT	Tên hàng	Mô tả chung	Đơn vị	Số lượng
90	Đèn cồn	Đèn cồn để khử trùng dụng cụ trong y tế	Cái	50
91	Giá cầm ống nghiệm máu bằng inox	Chất liệu Inox, dùng để cầm các ống nghiệm máu, giúp các ống nghiệm cân bằng không bị rơi rụng dịch trong quá trình thực nghiệm hóa học.	Cái	50
92	Giá cầm ống nước tiểu bằng inox	Chất liệu Inox, dùng để cầm các ống nghiệm nước tiểu, giúp các ống nghiệm cân bằng không bị rơi rụng dịch trong quá trình thực nghiệm hóa học.	Cái	50
93	Giấy in nhiệt	Kích thước: K57 (57x45mm)	Cuộn	100
94	Kim trích mụn	Đầu mũi kim được vát nhọn. Được bọc giấy riêng lẻ nên bảo đảm vệ sinh và an toàn cho mỗi lần sử dụng. Tiết trùng từng cây.	Cái	2.000
95	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng để cố định đốt sống cổ, hạn chế vận động sau chấn thương hoặc phẫu thuật.	Cái	10
96	Nẹp cổ mềm	Nẹp cổ mềm để hỗ trợ vùng cổ, giảm đau do căng cơ, thoái hóa đốt sống cổ hoặc chấn thương nhẹ.	Cái	10
97	Dây bơm khí CO2	Ống bơm khí CO2, có thể hấp tiết trùng, đường kính trong 9 mm, chiều dài 250 cm.	Cái	50
98	Ống đo máu lắng (dài 18,5cm)	Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước 8x120mm Thể tích lấy máu: 1.28ml Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác Thành phần: Sodium Citrate 3.2%, tỷ lệ chống đông	Cái	2.000
99	Que cấy vi sinh bằng kim loại	Bằng inox có phần tay cầm cách nhiệt. Dùng làm cán cho kim hay vòng cấy hay vòng cấy định lượng.	Cái	200
100	Túi camera vô trùng	Tiết trùng và đóng gói từng cái.	Cái	400
101	Túi lấy máu đơn 250ml	Dung tích 250 ml để đựng máu toàn phần	túi	100
102	Bông nút rửa mặt	Dùng để vệ sinh vùng mặt cho bệnh nhân, hỗ trợ làm sạch da nhẹ nhàng, không gây kích ứng	Miếng	20.000
103	Bộ ống chuẩn McFarland	Hộp gồm 6 ống chuẩn McFarland (0.5, 1, 2, 3, 4, 5) có đường kính 17.75mm.	Hộp	5
104	Dây thở Oxy có Mask úp người lớn	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tốt hơn, không gây dị ứng, không chứa DEHP. Có kẹp mũi loại điều chỉnh được. Dùng cho người lớn. Có ống thở dài khoảng 2m (±5 %).	Cái	2.000
105	Dây thở Oxy có Mask úp trẻ em	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tốt hơn, không gây dị ứng, không chứa DEHP. Có kẹp mũi loại điều chỉnh được. Dùng Cho trẻ em. Có ống thở dài khoảng 2m (±5 %).	Cái	1.000
106	Băng bó bột nhỏ	Cấu tạo bột thạch cao được cán sẵn vào gạc cotton, khô nhanh. Kích thước 10(±0,5)cm x 2,7(±0,1)m	Cuộn	3.000
107	Băng bó bột to	Cấu tạo bột thạch cao được cán sẵn vào gạc cotton, khô nhanh. Kích thước 15(±0,5)cm x 2,7(±0,1)m	Cuộn	2.000
108	Gel siêu âm	Dùng trong siêu âm	Can	300
109	Catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng	Sản phẩm được làm bằng chất liệu PU tương thích sinh học mềm chống xoắn hạn chế tổn thương	Cái	100

TT	Tên hàng	Mô tả chung	Đơn vị	Số lượng
110	Kim gậy tế tủy sống	Dùng để chọc dò và gậy tế trong gậy tế tủy sống.	Cái	2.000
111	Nước cất	Nước tinh khiết, nguyên chất, dùng trong y tế. Thành phần hoàn toàn tự nhiên và nguyên bản không chứa các tạp chất hữu cơ hay vô cơ.	Lít	500
112	Ông dặt nội khí quản lò xo có bóng các số	Chất liệu: PVC y tế, có bóng, lõi lò xo chống gẫy gập. Thiết kế các vạch hướng dẫn hiển thị rõ ràng.	Cái	500
113	Anti Globulin	Huyết thanh chẩn đoán Anti-Human Globulin để phát hiện in- vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người.	Lọ	5
114	Dung dịch KOH	Dung dịch KOH 10%. Chai 500ml	Lọ	10
115	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các cỡ, Được sử dụng cho thủ thuật đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	Cái	200
116	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng các cỡ, Được sử dụng cho thủ thuật đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	Cái	200
117	Chai cấy máu kỵ khí	Môi trường cấy máu kỵ khí được dùng để thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết là vi khuẩn kỵ khí.	Chai	200
118	Chai cấy máu hai pha	Chai cấy máu hai pha được dùng để thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết.	Chai	200
119	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm	Chất liệu nhựa y tế trung tính màu trắng trong, có nhãn màu trắng, có nắp vặn khí.	Lọ	1.000
120	Test nước tiểu 11 thông số	Dùng để thử nước tiểu 11 thông số. Tương thích với dòng máy Combestik	Test	20.000

**Tổng: 120 danh mục**



**PHỤ LỤC II**  
**BIỂU MẪU HỒ SƠ BẢO GIÁ**

**BẢO GIÁ**  
Kính gửi: Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập

Chúng tôi... (ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ họ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) – Mã số thuế:.....

Báo giá cho các hàng hóa như sau:

STT (Theo thứ mời chào giá)	STT (Theo thứ mời chào giá)	Danh mục hàng hóa (Theo thứ mời chào giá)	Tên hàng hóa (Tên thương mại)	Thông số kỹ thuật	Số lưu hành	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1												
2												
3												
<b>Tổng số:..... khoản</b>												
<b>(Ghi chú: Nhà cung cấp báo giá này trên file excel, liệt kê đầy đủ thông tin vào các cột và theo đúng thứ tự như trên)</b>												

- Giá trên đã bao gồm tất cả chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật;
- Báo giá này có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2026;
- Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: (Ghi rõ họ tên và số điện thoại của người phụ trách làm báo giá).

....., ngày.....tháng.....năm 2026  
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**  
Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật tự nguyện phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp tự nguyện, phải gửi kèm theo giấy tự nguyện ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.

